

Số: 17 /2025/QĐCNTTLH

Lạng Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tá Đ và chị Nguyễn Thị C.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tá Đ.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ **Anh Nguyễn Tá Đ**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà D, ngách F, khu phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

+ **Chị Nguyễn Thị C**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyên sang Tòa án và tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2025, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tá Đ và chị Nguyễn Thị C thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tá Bảo D, sinh ngày 26/4/2022. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D (do chị C đại diện nhận) là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2025 đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Tá Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa xong thì bên phải thi hành án phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất canh tác: Anh Nguyễn Tá Đ và chị Nguyễn Thị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND phường Tân Hồng, TP. Từ Sơn, Bắc Ninh;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng